

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2022/DSST
Ngày: 11/3/2022
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Mai
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Bà Hồ Thị Kim Luyện
 2. Ông Trần Ngọc Bích
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ An Trinh – Thư ký Toà án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Nga – Kiểm sát viên

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2021/TLST-DS ngày 16/3/2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Huỳnh M

ĐKTT: 157/7 đường A, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

Nơi ở hiện nay: 15 đường B, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

Bị đơn: Ông Hoàng Anh T

Địa chỉ: 91/34 đường M, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/01/2021 và bản tự khai nguyên đơn – bà Lê Thị Huỳnh M trình bày:

Qua mối quan hệ quen biết, bà M cho ông Hoàng Anh T mượn tiền nhiều lần với tổng số tiền 2.000.000.000đồng, cụ thể:

- Ngày 23/3/2019, bà M chuyển cho ông T 300.000.000đồng.
- Ngày 27/3/2019, bà M chuyển cho ông T 200.000.000đồng.

- Ngày 28/3/2019, bà M đưa cho ông T 50.000.000đồng tiền mặt, ông T xác nhận trong tin nhắn zalo ngày 02/5/2019.

- Ngày 29/3/2019, bà M chuyển cho ông T 250.000.000đồng.

- Ngày 01/4/2019, bà M chuyển cho ông T 200.000.000đồng.

- Ngày 08/4/2019, bà M chuyển cho ông T 400.000.000đồng. Bà M cùng ông T trực tiếp đến ngân hàng, bà làm thủ tục chuyển tiền cho ông T và ông T có viết, ký tên với nội dung “Ngày 8/4/2019 tôi Hoàng Anh T nhận của chị Mai Vĩnh Long 400.000.000(VNĐ)” .

- Ngày 13/4/2019, bà M chuyển cho ông T 200.000.000đồng.

- Ngày 10/4/2019, bà M chuyển cho ông T 100.000.000đồng.

- Ngày 16/4/2019, bà M chuyển cho ông T 300.000.000đồng.

Khi mượn tiền có thỏa thuận mức lãi suất là 3%/tháng. Tuy nhiên, từ khi nhận tiền ông T không trả bất kỳ khoản tiền nào cho bà M. Do đó, bà M khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền nợ gốc là 2.000.000.000đồng và tiền lãi theo từng thời điểm, từng khoản tiền với mức lãi suất là 1,66%/tháng, tạm tính đến ngày 05/01/2021 là 697.200.000đồng, tổng cộng số tiền ông T phải trả là 2.697.200.000đồng và tiếp tục tính lãi đến khi xét xử sơ thẩm.

Ông Hoàng Anh T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để giải quyết vụ kiện nhưng đều vắng mặt và cũng không có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của bà đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Huỳnh M. Do đó vụ kiện thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Để bảo vệ quyền và lợi ích của các đương sự, vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện: Buộc ông Hoàng Anh T trả số tiền gốc là 2.000.000.000đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm tính theo từng thời điểm của từng món nợ cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt không có lý do.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, bị đơn không chấp hành giấy báo/ triệu tập của Tòa án.

- Về giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện và cung cấp các phiếu chuyển tiền cho bị đơn, biên nhận tiền do bị đơn viết và ký cũng như xác nhận qua tin nhắn đủ cơ sở xác định nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 2.000.000.000đồng. Nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi nên nguyên đơn khởi kiện. Mặc dù bị đơn đã được Tòa án nhiều lần triệu tập để giải quyết vụ kiện nhưng đều vắng mặt và cũng không có ý kiến gì. Từ đó, cho thấy bị đơn thừa nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định lại mức lãi suất yêu cầu bị đơn trả. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở xem xét nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lê Thị Huỳnh M khởi kiện ông Hoàng Anh T yêu cầu ông T trả bà số tiền mà bà đã cho ông T vay nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Hoàng Anh T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo nguyên đơn trình bày và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện nguyên đơn nhiều lần chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho bị đơn vay, cụ thể:

- Ngày 23/3/2019, bà M chuyển cho ông T 300.000.000đồng.
- Ngày 27/3/2019, bà M chuyển cho ông T 200.000.000đồng.
- Ngày 28/3/2019, bà M đưa cho ông T 50.000.000đồng tiền mặt, ông T xác nhận trong tin nhắn zalo ngày 02/5/2019.
- Ngày 29/3/2019, bà M chuyển cho ông T 250.000.000đồng.
- Ngày 01/4/2019, bà M chuyển cho ông T 200.000.000đồng.
- Ngày 08/4/2019, bà M chuyển cho ông T 400.000.000đồng.
- Ngày 13/4/2019, bà M chuyển cho ông T 200.000.000đồng.
- Ngày 10/4/2019, bà M chuyển cho ông T 100.000.000đồng.
- Ngày 16/4/2019, bà M chuyển cho ông T 300.000.000đồng.

Đồng thời ngày 02/5/2019, ông T có xác nhận qua tin nhắn zalo “em vừa cộng các giao dịch và nhận tiền mặt là 2 tỷ chị ạ, chị xem lại giúp em”. Đến ngày 12/5/2019 bà M nhắn “Cố gắng đầu tuần trả tiền cho chị”.

Bà M trình bày bà đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu ông T trả tiền cho bà, ông T cũng nhiều lần hứa hẹn trả nợ nhưng không thực hiện nên bà khởi kiện yêu cầu ông T trả cho bà số nợ gốc và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng từ khi bà cho vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, bà thay đổi mức lãi suất yêu cầu ông T trả cho bà là 10%/năm.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông T được Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án, nhiều lần triệu tập để tham gia giải quyết vụ kiện, được thông báo thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng (trong đó ghi cụ thể yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và đề nghị ông T có ý kiến). Tuy nhiên, ông T không đến Tòa án, không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ đó cho thấy ông T mặc nhiên thừa nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Qua phần trình bày cũng như các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đủ cơ sở xác định nguyên đơn cho bị đơn vay nhiều lần tổng số tiền là 2.000.000.000đồng. Mặc dù nguyên đơn trình bày khi cho vay có thỏa thuận mức lãi suất là 3%/tháng, không thỏa thuận ngày trả cụ thể nhưng thời gian ngắn khi

ông T thu tiền từ các nguồn đã đầu tư (ông T đầu tư cho các hộ gia đình nuôi cá và sắp đến ngày bán) nhưng nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ và ông T cũng vắng mặt nên không có cơ sở xác định việc các bên thỏa thuận về thời gian vay và mức lãi suất. Do đó, xác định hợp đồng vay giữa các bên là hợp đồng vay không có thời hạn. Ngày 12/5/2019 (nhằm ngày chủ nhật), bà M nhắn yêu cầu ông T trả tiền vào đầu tuần nên xác định thời hạn trả nợ của ông T là ngày 13/5/2019. Tuy nhiên, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Như đã phân tích ở trên do không có chứng cứ chứng minh việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên nên mức lãi suất được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa, bà M yêu cầu mức lãi suất là 10%/năm, mức lãi suất này là phù hợp với quy định của pháp luật nhưng thời gian tính từ ngày 13/5/2019, không có cơ sở tính từ ngày chuyển tiền theo yêu cầu của bà M. Cụ thể tiền lãi tính từ ngày 13/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (11/3/2022) là:

$2.000.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 2 \text{ năm } 9 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 564.442.187 \text{ đồng}.$

Tổng cộng tiền gốc, lãi ông T có trách nhiệm trả cho bà M là 2.564.442.187 đồng.

[3] Từ những nhận định trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Lê Thị Huỳnh M:

Buộc ông Hoàng Anh T có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Huỳnh M số tiền 2.564.442.187 đồng (*Hai tỷ năm trăm sáu mươi tư triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn một trăm tám mươi bảy đồng*), trong đó nợ gốc là 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*), nợ lãi là 564.442.187 đồng (*Năm trăm sáu mươi tư triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn một trăm tám mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hoàng Anh T phải chịu 83.289.000đồng (*Tám mươi ba triệu hai trăm tám mươi chín nghìn đồng*) – Đã làm tròn số.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.N;
- CCTHADS Q.N;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Mai

Nguyên đơn bà Lê Thị Huỳnh Mtrình bày:

Bà có mong muốn nếu ông Hiếu, bà Huỳnh trả bà một lần số tiền

700.000.000đồng (Bảy trăm triệu đồng) để bà trả lại tiền cho những người bà đã mượn thì bà không kiện nữa. Nhưng do ông Hiếu, bà Huỳnh không có thiện chí nên bà giữ nguyên yêu cầu buộc ông Lê Văn Hiếu và bà Trần Thị Phương Huỳnh trả bà số tiền là 1.055.000.000đồng và 1,5 lượng vàng (lại vàng nhẫn 9999 của SJC) và tiền lãi đến ngày xét xử. Do khi vay là vợ chồng nên cả hai cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà, việc hai người phân chia trả như thế nào là việc của hai người.

Bị đơn ông Lê Văn Hiếu trình bày:

Ông xác định ông có vay tiền, vàng của bà Chinh như đơn khởi kiện cũng như trong buổi hòa giải trước đã trình bày. Tuy nhiên, đây là nợ riêng của ông, ông mượn tiền của bà Chinh để tiêu xài cá nhân như ăn nhậu, cho bạn bè mượn, một số trả tiền lãi. Ngoài ra, ông cũng mua xe ô tô đưa người khác cho thuê nhưng do tình hình dịch bệnh nên thua lỗ. Ông và bà Huỳnh có căn nhà 373B Xuân Thủy, phường An Bình, quận N, thành phố Cần Thơ cũng phải bán để trả nợ cho ngân hàng và các con nợ nên không còn tiền trả cho bà Chinh. Ông mua đất cuối năm 2018, ra giấy tờ đầu năm 2019 và sau đó cất nhà, đến tháng 7/2019 thì bán. Ông cũng muốn trả nợ cho bà Chinh nhưng do không có khả năng nên không trả được. Trước đó, ông cũng có nói với bà Chinh đừng khởi kiện ông để ông bán nhà ông sắp xếp trả cho bà nhưng khi bán không hiểu tại sao các chủ nợ biết được, họ đến tận ngân hàng hai bên mua bán nhà thỏa thuận trả tại Vị Thanh, Hậu Giang. Nay ông nhận trách nhiệm trả hết số nợ cho bà Chinh và xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đồng cho đến khi hết nợ. Đồng thời, yêu cầu căn trừ số tiền lãi ông đã trả vượt quá quy định và tiền lãi đối với số vàng ông đã trả cho bà Chinh.

Bà Huỳnh trình bày: Bà và ông Hiếu có vay mượn của bà Chinh. Tuy nhiên, có biên nhận nợ bà biết và ký, có khi ông Hiếu vay xong rồi bà mới biết. Cụ thể, bà và ông Hiếu có ký biên nhận vay bà Chinh số tiền 75.000.000đồng; và số vàng là 1,5 lượng bà không ký nhưng sau đó bà biết. Bà có đưa cho ông Hiếu trả cho bà Chinh 75.000.000đồng nhưng sau này bà mới biết ông Hiếu chỉ trả 45.000.000đồng và còn nợ lại số tiền 30.000.000đồng. Bà nhận trách nhiệm cùng ông Hiếu trả số vàng và tiền này. Số tiền còn lại bà không biết ông Hiếu vay. Bản thân bà kinh doanh vườn hồng, tự quản lý và bà có tiền lương nên bà đủ tiền tiêu xài trong gia đình và con cái mà không cần đến tiền của ông Hiếu. Ông Hiếu cũng không đưa tiền cho bà. Bà và ông Hiếu ly thân từ năm 2018, đến năm 2020 thì ly hôn theo quyết định số 71/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân quận N. Khi ông Hiếu gặp khó khăn, bà đã ủy quyền cho ông Hiếu bán tài sản chung là căn nhà như ông Hiếu đã trình bày nêu trên để trả nợ nhưng do bị sức ép từ nhiều phía nên ông Hiếu bán không được giá và không đủ tiền để trả nợ. Căn nhà này là do bà và ông Hiếu bán nhà tại 86B đường số 03, khu vực 2, phường An Bình để mua đất, cất nhà. Từ khi ông Hiếu gặp khó khăn đến nay thì vườn hồng của bà cũng không kinh doanh được phải đóng cửa. Do đó, dù bà và ông Hiếu rất muốn thu xếp trả nợ cho bà Chinh nhưng không được.

Bà Chinh trình bày thêm, ông Hiếu có đến năn nỉ bà đừng khởi kiện để vợ chồng ông Hiếu, bà Huỳnh bán nhà đi sẽ trả nợ cho bà. Nhưng sau khi bán nhà, ông Hiếu, bà Huỳnh cũng không trả nợ cho bà. Hứa hẹn nhiều lần nhưng không

thực hiện nên bà không còn niềm tin nên đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà Huỳnh là bạn thân của con gái bà, ngay từ ban đầu bà Huỳnh dẫn ông Hiếu đến giới thiệu là chồng và nhờ bà giúp đỡ vợ chồng bà Huỳnh. Những lần sau ông Hiếu mượn thì bà Huỳnh đều biết, chỉ lần cuối cùng bà Huỳnh không biết.

Ông Hiếu bổ sung: Những lần ông mượn tiền đều ghi giấy đưa cho bà Chinh và không được biết chủ nợ là ai. Ông thắc mắc là tại sao bà Chinh không gom vào một biên nhận. Ông nhớ không chính xác nhưng ông có trả cho bà Chinh một số lần tiền nợ gốc nhưng bà Chinh không đưa lại giấy mượn nợ bản chính cho ông. Do có là thân quen nên khi đưa tiền ông không làm biên nhận, có khi đi ăn uống chung ông đưa cho bà Chinh. Ông được biết tiền bà Chinh cho ông vay là tiền cá nhân của bà Chinh chứ không phải tiền bà Chinh đi mượn của người khác như bà Chinh đã trình bày.

Bà Chinh xác định ông Hiếu chưa trả cho bà bất kỳ số tiền nợ gốc nào.

Bà Huỳnh trình bày: Ngoài biên nhận nợ số tiền và vàng bà đã trình bày ở trên thì bà không biết bất kỳ biên nhận nợ nào của ông Hiếu nên bà không chịu trách nhiệm đối với số nợ đó.